

# PHÁT BỒ ĐỀ TÂM, NHẤT HƯỚNG CHUYÊN NIỆM

## Phần 2

*(Pháp sư Định Hoằng chia sẻ những tâm đắc học Tịnh Độ Đại Kinh Giải)*

*Người giảng: Pháp sư Định Hoằng*

*Địa điểm: Nhà Hàng Hải Cảnh Như Tâm - HongKong*

*Thời Gian: Ngày 17-06-2012*

*Cán dịch: Vọng Tây cư sĩ*

*Biên tập: Diệu Hiền cư sĩ, Diệu Hương cư sĩ*

Hôm qua, chúng ta đã học Phát Tâm Bồ Đề - Nhất Hướng Chuyên Niệm cùng tính chất quan trọng của tâm Bồ Đề, đồng thời chúng ta cũng đã nói đến thế nào là tâm Bồ Đề. Hôm nay chúng ta cũng vẫn tiếp tục bổ sung một chút, nói qua tâm Bồ Đề là gì, sau đó mới giảng qua làm thế nào để phát tâm Bồ Đề. Hôm qua chúng ta đã dùng kinh văn trong kinh Quán Vô Lượng Thọ, nói đến tâm Bồ Đề bao gồm ba loại tâm.

- Thứ nhất là **Chí Thành Tâm**.
- Thứ hai là **Thâm Tâm**.
- Thứ ba là **Hồi Hướng Phát Nguyện Tâm**.

Phật nói, có thể đầy đủ ba loại tâm này thì quyết định có thể vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Ba thứ tâm này, nói một cách đơn giản chính là như Ngài Ngẫu Ích Đại Sư trong Di Đà Yêu Giải nói về Tín - Nguyện. Tín - Nguyện là phải có sự chân thành, một trăm phần trăm (100%) tin tưởng và phát nguyện. Bạn có thể tín nguyện một cách chân thành thì tâm chân thành này chính là tâm chí thành. Có thể tin chắc có thể giới Tây Phương Cực Lạc, tin chắc có Phật A Di Đà và cũng tin chính mình vốn dĩ là Phật, hiện tại nếu niệm Phật cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc để thành Phật, đây là việc có thể làm đến được. Tin tưởng 48 đại nguyện của A Di Đà Phật nhất định là chân thật. Hiện tại chúng ta tuy là phạm phu sanh tử tội ác, nghiệp chướng sâu nặng, thế nhưng nhờ sức bốn nguyện của A Di Đà Phật, chắc chắn có thể nương nhờ tiếp dẫn của Phật vãng sanh Tây Phương. Đây chính là thâm tâm, nghĩa là tin sâu.

Chúng ta phát nguyện cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, đến thế giới Cực Lạc để làm gì? Làm Phật đó mà! Làm Phật để rộng độ chúng sanh. Tâm này chính là tâm hồi hướng phát nguyện. Cho nên, tâm Bồ Đề nói một cách đơn giản nhất, dễ hiểu nhất chính là tin sâu, nguyện thiết, cầu sanh Tịnh Độ. Ngài Ngẫu Ích Đại sư nói: “Tin sâu, nguyện thiết chính là Vô Thượng Bồ Đề”, đây là **Vô Thượng Bồ Đề Tâm**. Tâm này vừa phát ra thì chắc chắn vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Cho nên chúng ta tu hành là phải tu cái tâm này, nếu như chỉ tu trên hành vi có thể rất là khổ cực, nhưng chưa hẳn được thành công. Giống như chúng ta muốn đoạn phiền não, trong Liễu Phàm Tứ Huấn có một ví dụ như trăm độc thọ. Chúng ta đốn một cây có độc, cây này có độc

chúng ta phải đốn đi. Nếu như chỉ tu trên hành vi giống như chúng ta tĩa nhánh, tĩa cành vậy, là tu giả, vậy thì tu đến bao giờ mới có thể tiêu trừ được nó? Nếu như chúng ta biết cách tu tâm, nghĩa là trực tiếp từ ngay gốc mà đoạn phiền não. Tâm Bồ Đề vừa phát thì toàn bộ phiền não sẽ không phát khởi, sẽ không có chỗ để khởi phiền não. Cho nên tâm Bồ Đề thật đáng quý, nó là chánh nhân để bạn thành Phật, là chánh nhân để bạn vãng sanh. Do đó chúng ta hãy tư kiểm điểm, phản tỉnh lấy mình rút cuộc đã phát tâm Bồ Đề chưa? Phát tâm Bồ đề là trạng thái như thế nào? Trước mắt chúng ta có một tấm gương rất sống động, đó là cô giáo Lưu Tố Vân, là người thật sự phát tâm Bồ Đề, chân tín, nguyện thiết cầu sanh Tịnh Độ. Bạn xem, điều gì cô cũng có thể buông xả được. Nếu như không phát tâm Bồ Đề mà muốn buông xả thì thật không dễ. Bạn xem người thế gian, một số người vật ngoài thân không thể buông xả được, tiền tài, tài sản không buông nổi; thân thể không buông xả được; đối với tình chấp của gia đình quyến thuộc không buông xả được. Những thứ không buông xả được quá nhiều, cho nên vĩnh viễn bị cột chặt ở trong sáu cõi luân hồi. Nếu như muốn buông xả từng chút rất là khổ cực. Hiện tại dạy chúng ta bỗng chốc phải buông hết, vậy thì phải hiểu rõ đạo lý, hiểu rõ tường tận thì bạn mới có thể chân thật phát khởi tín nguyện. Cho nên tâm Bồ Đề vừa phát thì giống như mặt trời giữa hư không, màn đêm tự tan mất.

Tôi tự mình nghĩ lại việc học Phật trong 20 năm qua, nghe Tịnh Không ân sư giảng kinh nói pháp 20 năm, tôi rất là may mắn từ đầu đến cuối chỉ theo một vị thầy, không hề nghe qua một vị thầy nào khác. Tuy nhiên cũng rất là hổ thẹn, 20 năm cũng không có học được tốt, mãi cho đến bây giờ, mặc dù so với 20 năm trước đã buông xả không ít, thế nhưng vẫn còn nhiều thứ chưa buông.

Sáng hôm qua, ân sư thể độ cho tôi đến thăm viếng lão pháp sư. Sau khi nói xong lời khai mạc, ra ngoài nghỉ ngơi, lúc đó Tịnh Không ân sư cũng vừa mới đến. Hai người bạn cũ gặp nhau nên rất nhiệt tình trò chuyện với nhau. Hòa Thượng Xương Hoài nói: *“Tôi kính phục nhất là công phu nhìn thấu, buông xả của Ngài Tịnh Không. Nhìn thấu, buông xả không ai có thể sánh bằng Ngài”*. Sau đó Ngài lại nói với tôi: *“Thầy không thể sánh, con cũng không thể sánh”*. Kỳ thật, lão Xương Công cũng là đang nhắc nhở tôi, khẳng định lão Hòa thượng xem thấy cảnh giới tu hành của tôi vẫn còn kém xa, phải học với Tịnh Không ân sư chúng ta.

Các vị xem, sư phụ trong lúc giảng pháp thường nói, Ngài học Phật 60 năm là học điều gì? Chính là sáu chữ mà ngày đầu tiên học Phật, đại sư Chương Gia dạy cho Ngài: **“Nhìn được thấu, buông được xuống”**. Học hết 60 năm, chỉ tu sáu chữ này. Do đó, những người học Phật chúng ta phải từ trên phương diện này mà nỗ lực làm. Tự bản thân tôi cũng muốn chia sẻ một chút về việc tôi làm cách nào để học tập nhìn thấu, buông xả, làm thế nào để kiểm điểm tâm Bồ Đề. Phải từ việc nhìn thấu, buông xả mà kiểm điểm. Các vị xem, sư phụ thượng nhân viết ra câu đối: **“Chân Thành, Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Chánh Giác, Từ Bi”**, đây là tâm Bồ Đề, chính là tâm Phật. Bạn thật sự có tâm này chưa thì phải từ ngay hành vi của các bạn mà xem. Phía bên đây là hành:

**“Nhìn Thấu, Buông Xả, Tự Tại, Tùy Duyên, Niệm Phật”**. Trước tiên chúng ta nói hai chữ đầu tiên, đây là hai chữ then chốt, quý vị nhìn thấu, buông xả thì sẽ được tự tại. Được tự tại thì thân tâm thư thái, giống như Tịnh Không ân sư chúng ta, 86 tuổi mà thân thể vẫn khỏe mạnh, Xương Công rất là bội phục, nói: *“Tôi không bằng Ngài”* (Xương Công còn nhỏ hơn sư phụ hai tuổi). Xương Công nói: *“Công phu nhìn thấu buông xả của Ngài rất cao”*. Đó là hai vị trưởng giả thị hiện cho chúng ta xem.

Được “tự tại” là do nhìn thấu buông xả mà có. Làm thế nào để có thể buông xả? Cần phải nhìn thấu. Làm sao nhìn thấu? Phải hiểu lý, hiểu rõ chân tướng sự thật của vũ trụ nhân sanh. Vậy chân tướng là gì? Trên kinh Kim Cang nói với chúng ta “Phàm sở hữu tướng đều là hư vọng”, và kinh Vô Lượng Thọ cũng nói “Quán Pháp như hóa”. Tất cả pháp là huyễn hóa, không có chân thật, bạn mới buông xả được. Tam Muội thường tịch tức là đạt tự tại trong việc buông xả. Tự tại thì bạn được tùy duyên, không tự tại bạn không thể tùy duyên. Tùy duyên để làm gì? Để niệm A Di Đà Phật, như cô giáo Lưu Tô Vân nói: “Sống một ngày thì niệm A Di Đà Phật một ngày”. Phàm là người chân thật buông xả thì họ chỉ làm một việc, đó là niệm Phật.

Tôi tự nhìn lại việc tu học trong 20 năm qua, 10 năm đầu cơ bản là nghe pháp, nghe kinh, có thể nói là nghe như không nghe, vì nghe nhưng không hiểu. Vì sao nói nghe không hiểu? Vì chưa buông xả. Lúc bấy giờ mới lên đại học không bao lâu, năm 1991 tôi lên đại học, 1992 thì Tịnh Không ân sư đến chùa Quan Hiếu ở Quảng Châu giảng kinh A Di Đà, báo cáo nghiên tập do lão Hòa thượng Bản Hoán thỉnh mời. Mẹ tôi dẫn tôi đến gặp Tịnh Không ân sư, từ đó bắt đầu tiếp nhận kinh giáo của Ngài giảng dạy. Lúc bấy giờ tôi thỉnh một bộ băng ghi âm (cassette), khi đó chưa có băng ghi hình, là do công ty Nhất Tâm Viên - Đài Bắc, Đài Loan sản xuất băng cassette. Ngài Bản Hoán đưa cho mẹ tôi một quyển Đại Thừa Vô Lượng Thọ kinh do Ngài Hạ Liên Cư hội tập, để chúng tôi về nhà xem. Lúc đó Hòa Thượng Bản Hoán khuyên tôi xuất gia. Đó là chuyện của 20 năm về trước. Khi đó dù Ngài đã khuyên tôi hai lần, các đồng tu bên cạnh nghe được, ngay cả vị thị giả của Ngài cũng cảm thấy lạ, nói: *“Bổn lão bình thường không bao giờ nói chuyện với ai, vừa gặp anh thì nói rất nhiều, còn khuyên anh xuất gia”*. Ngài khuyên tôi sau khi xuất gia phải làm đại pháp sư. Ngài nói: *“Con xem, những người tại gia bận điều gì, người xuất gia bận điều gì? Những người xuất gia chúng tôi bận việc hoằng pháp lợi sanh”*. Mặc dù Ngài khuyên, nhưng lúc đó tôi đang bận việc xuất ngoại, không nghĩ đến việc xuất gia.

Sau khi đến Mỹ du học thì tôi đã bắt đầu nghe ân sư Tịnh Không giảng dạy kinh giáo. Thế là tôi đến Phật đường ở Dallas để thân cận với sư phụ thượng nhân, và cùng ngồi đối diện với Ngài là vào tháng 5 năm 1997. Câu đầu tiên là Ngài khuyên tôi phải cố gắng học và đọc kinh Vô Lượng Thọ. Đó là chuyện của 15 năm về trước. Lúc đó, tôi nghe sư phụ thượng nhân giảng kinh Vô Lượng Thọ, giảng lần thứ hai, tổng cộng có 107 băng ghi âm. Lúc bấy giờ gặp sư phụ thượng nhân cho các pháp sư mang dòng chữ Ngô thế phát lần cuối, tôi có dự lễ thế phát. Hôm đó có vài đồng tu thế phát mà chỉ mới

ghi danh có một ngày trước đó, bao gồm những vị pháp sư mà chúng tôi quen như pháp sư Ngô Thắng, pháp sư Ngô Lâm - người Mỹ, v.v.... Sau đó có rất nhiều người cũng khuyên khích tôi: *“Anh muốn xuất gia không? Đây là lần cuối cùng sư phụ làm lễ thể phát. Từ lúc Hàn Quán Trưởng ra đi vào năm 1997, sau khi bà Hàn Quán trưởng ra đi, sư phụ sẽ không cạo đầu cho ai nữa. Xưa kia đều do Hàn Quán Trưởng yêu cầu nên Ngài phải làm. Bây giờ Hàn Quán trưởng đi rồi, Ngài sẽ không cạo nữa. Đây là chuyến xe cuối cùng, anh phải mau tranh thủ”*. Lúc bấy giờ tôi không dám, tôi nói: *“Tôi không dám, tôi sợ đọa địa ngục”*. Bởi vì nghe nói trước cửa địa ngục Tăng đạo nhiều, tu không tốt phải đọa địa ngục và lúc đó tôi cũng đang muốn lấy bằng tiến sĩ. Sau khi lấy xong bằng tiến sĩ thì làm giáo sư Đại học, vẫn còn đi trên con đường truy cầu danh lợi của thế gian, chưa có một chút nào nhìn thấu để buông xả, tuy nhiên nghe pháp thì chưa bao giờ gián đoạn và rất là thích nghe. Khi tôi du học ở bên Mỹ, căn bản là mỗi ngày mang theo một cái máy cassette nhỏ, mỗi ngày mở cassette ra nghe. Giống như cảnh sát Huỳnh Bá Lâm nói, bây giờ sướng quá, nghe đại kinh giải có MP3, lúc đó chúng tôi phải nghe máy cassette. Tôi nghe rất nhiều và dần dần cũng hiểu rõ đạo lý, sự giác ngộ cũng bắt đầu. Tuy nhiên lúc bấy giờ cũng chưa buông xả được thể pháp, nhưng vẫn mơ hồ cảm thấy phải hướng về phương hướng buông xả mà nỗ lực, phải cầu sanh Tây Phương, một đời này không thể để luống qua.

Năm 1999, sau khi tốt nghiệp tiến sĩ thì tôi bắt đầu đi làm, dạy học ở trường đại học Mỹ. Trong khoảng thời gian đó tôi thường cùng với mẹ đến thân cận với sư phụ. Sư phụ cũng có lần khuyên tôi phải rời Mỹ, vì tương lai Mỹ sẽ có tai nạn, phải mau rời Mỹ để sang Úc Châu, Tịnh Tông Học Viện cũng vừa thành lập vào đầu năm 2001, con qua đó chúng ta cùng nhau cộng tu, và lại trường đại học Queensland mời thầy đảm nhiệm chức giáo sư vinh dự và đại diện cho trường đi dự Hội Nghị Hòa Bình của Liên Hiệp Quốc, đẩy mạnh việc đoàn kết tôn giáo hòa bình thế giới, con đi theo thầy để làm phiên dịch tiếng anh cho thầy. Tôi nghe xong trong lòng cảm thấy hồi hộp, bối rối, tuy nhiên lại cảm thấy mình vô cùng vinh hạnh, nên quyết định rời nước Mỹ. Tuy nhiên nguyên nhân chính yếu để tôi rời khỏi Mỹ là do một sự kiện vào ngày 11 tháng 9. Sư phụ vừa mới nói Mỹ sẽ có tai nạn, không ngờ sau đó lập tức xảy ra. Tôi nghĩ tai nạn chắc là đến rồi, nên tôi lập tức rời Mỹ để sang Úc. Việc qua Úc chỉ là một việc buông xả nhỏ nhỏ mà thôi, bởi vì tiền lương ở Mỹ cao gấp đôi lần tiền lương ở Úc.

Khi sang Úc, tôi cũng chưa thật sự buông xả những pháp của thế gian. Tôi nghĩ, trước tiên nên tìm một trường đại học, xin một phần giáo chức để giải quyết sự sống, sau đó dùng thời gian dư ra để yểm trợ sư phụ hoằng pháp. Thật may mắn, trường đại học Queensland đang cần một vị giảng sư cao cấp về tài chánh. Tôi liền gửi lý lịch đi, họ xem lý lịch của tôi cũng khá tốt nên lập tức nhận ngay, và chỉ trong một tháng đã giúp tôi và mẹ tôi làm xong thủ tục di dân. Thế là chúng tôi đến Úc Châu, bỏ đi thẻ xanh của nước Mỹ.

Sau khi sang Úc, tôi vừa làm việc vừa đi theo sư phụ thượng nhân đến các nơi trên thế giới để đẩy mạnh hài hòa các tôn giáo và hoằng pháp. Trải qua những lời dạy cũng như bằng thân giáo của Ngài, dần dần tôi được tăng trưởng tâm Bồ Đề của mình. Sư phụ nhắc nhở tôi: *“Người trẻ tuổi phải có sứ mạng”*. Lúc đó tôi nghĩ, rốt cuộc sứ mạng của tôi là gì? Đời này tôi đến đây để làm gì? Nghĩ đi, nghĩ lại chỉ có một đáp án, đó chính là phải hoằng pháp lợi sanh. Sư phụ Ngài cũng rất là thiện xảo, Ngài nói: *“Bây giờ con có thể hoằng pháp bán thời gian”*. Bởi vì lúc bấy giờ tôi vẫn còn làm việc, Ngài biết tôi không chịu buông xả công việc của mình, nên Ngài muốn tôi hoằng pháp bán thời thôi. Cho nên sau khi làm việc xong, tôi mới làm việc hoằng pháp. Làm dần dần, dần dần, đại khái nhờ tu phước báo, phước đến thì tâm sáng. Ở trường đại học Queensland, tôi đã dạy hết ba năm. Bấy giờ trường đại học mời tôi làm phó giáo thọ và hướng dẫn sinh viên tiến sĩ, đồng thời trường đại học Hạ Môn ở Trung Quốc cũng gửi giấy mời tôi làm chủ tịch giáo sư. Lúc bấy giờ sư phụ cũng vô cùng thiện xảo và khuyên tôi, con có thể đến trung tâm giáo dục tôn giáo ở Lô Giang, nơi đó đang xây dựng, con có thể sang đó để giúp đỡ. Tôi nói: *“Dạ được”*. Lúc đó mẹ tôi hỏi sư phụ: *“Thưa Ngài, Ngài xem Mao Sâm (đó là thế danh của tôi) nên ở lại nước Úc làm việc tốt hay là trở về Trung Quốc, chỗ nào tốt hơn?”*. Sư phụ thượng nhân nói một câu: *“Phải làm Thánh hiền!”*. Mẹ tôi nghe xong không hiểu gì. Sau khi về nhà, hai mẹ con cùng nhau tham cứu câu nói này, vì câu trả lời của sư phụ hình như không nhằm vào câu hỏi. Chúng tôi hỏi ở Trung Quốc tốt hay ở Úc Châu tốt, Ngài nói phải làm Thánh hiền là ý nghĩa gì? Sau đó chúng tôi hiểu rồi, tham cứu ra rồi, nếu làm Thánh hiền đến đâu cũng tốt, không làm Thánh hiền đến đâu cũng không tốt.

Muốn làm Thánh hiền trước tiên bạn phải buông xả danh văn lợi dưỡng, buông xả sự hưởng thụ của năm dục sáu trần, buông xả tự tư tự lợi, bạn không thể chỉ biết nghĩ cho mình. Câu hỏi ở Úc Châu tốt hay ở Trung Quốc tốt đều là nghĩ cho mình. Hiện tại không thể vì mình mà nghĩ, vậy thì phải làm sao? Thì đừng nghĩ nữa, nghe lời sư phụ thôi. Chúng tôi mới đến thỉnh giáo với sư phụ: *“Chúng con nên làm như thế nào?”*. Sư phụ chỉ dẫn tôi: *“Bây giờ con có thể hoằng pháp toàn thời gian”*. Thế là tôi hạ quyết tâm từ chức việc dạy học ở trường đại học Queensland, đồng thời từ chối thư mời làm chủ tịch giáo thọ của trường đại học Hạ Môn.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2006, mẹ tôi dẫn tôi đến HongKong bái sư. Lúc đó sư phụ rất là hoan hỷ, Ngài đặc biệt thay quần áo mới, phục trang của Hàn Quốc, sau đó ra tiếp tôi với mẹ tôi. Mẹ tôi bước lên chỉnh lý lại mình, sau đó mời Ngài ngồi lên ghế. Tôi và mẹ hướng về Phật Bồ Tát lạy ba lạy, sau đó hướng về sư phụ lạy ba lạy. Sư phụ thượng nhân không có nói là không lạy. Bình thường Ngài thường nói không lạy, không lạy, nhưng lần này Ngài để chúng tôi lạy đủ ba lạy, không nói lời nào. Kế đó mẹ tôi hướng về sư phụ đọc bài “Tiễn con bái sư”. Có lẽ nhiều người đã xem qua “Mẫu Từ Tử Hiếu”, văn chương trong quyển sách đó hoàn toàn đều là sao chép lại. Sư phụ thượng

nhân rất là hoan hỷ, đại khái Ngài xem thấy cậu bé này rốt cuộc đã chịu buông xả một chút rồi. Đây chỉ là sự buông xả vật ngoài thân, buông xả bước đầu.

Trước tiên bạn đối với tài sản, với danh vị, đối với lợi dưỡng, đối với tiền tài bạn phải nhìn được thấu, buông được xuống. Bạn xem, thật là không dễ, từ mười chín, hai mươi tuổi thì bắt đầu nghe pháp, đến năm 2006 là ba mươi hai tuổi, mười bảy, mười tám năm, hơn mười năm rồi mới có thể buông xả được một chút. Tôi cũng thuộc loại độn căn, kém xa so với cô giáo Lưu, trong mười năm cô đã hoàn toàn buông xả, còn tôi mới buông xả bước thứ nhất. Tuy nhiên có được bước thứ nhất thì sẽ có bước thứ hai. Khi chúng ta buông xả được một chút thì có thể nhìn thấu thêm một chút. Nhìn thấu thêm một chút bạn lại có thể buông xả thêm một chút. Cho nên sau khi buông xả, vào tháng giêng năm 2007, tôi đến HongKong. Lúc bấy giờ tôi đã đem tất cả tài sản, cũng không nhiều, một chút thôi, như nhà cửa, xe hơi đều bỏ thí, sắp xếp đâu vào đó. Tiền trong nhà băng, phần nào nên biếu cha mẹ thì biếu cha mẹ, nên bỏ thí thì bỏ thí, cũng giải quyết xong hết, đến HongKong theo sư phụ học giảng kinh. Mẹ tôi thì trở về Trung Quốc đại lục sống cuộc sống thoái hưu của mẹ, nhưng mẹ rất là giúp đỡ tôi.

Trong bài tiền con bá sư đặc biệt nói: *“Mao Sâm tương lai hoàn toàn giao cho Ngài điều giáo. Tương lai hoặc giả hiện tướng tại gia như Ngài Lý Bình Nam, hoặc giả giống như Ngài hiện tướng xuất gia, hoàn toàn do Ngài quyết định”*. Sư phụ đối với bài văn “Tiền con bá sư” có thể Ngài thích nhất là câu nói này. Cho nên vào năm 2007, có lần trong lúc giải đáp Phật học, Ngài đặc biệt nói: *“Mẹ của Chung Mao Sâm hiện giờ giao con cho tôi điều giáo, sau này xuất gia hay tại gia do tôi quyết định. Thật đáng quý!”*. Ngài nói tiếp: *“Tôi hy vọng thế nào? Tôi hy vọng Mao Sâm sau này xuất gia làm pháp sư tốt, kế thừa huệ mạng của Phật”*.

Bạn xem, năm 2007 sư phụ đã nói câu nói này rồi, bảo tôi xuất gia, kết quả, chờ mãi cũng không có xuất gia, vì sao vậy? Vì vật ngoài thân buông xả được, tình chấp vẫn chưa buông nổi, đích thật sư phụ trong lúc giảng pháp thường nói, tình chấp là khó buông nhất. Thật tế là không dễ buông bỏ, bởi vì khi tôi trưởng thành, thời gian theo mẹ là nhiều nhất. Hai mẹ con nương tựa với nhau để sống. Bao nhiêu năm qua rồi, hiện giờ nói xuất gia, xa lìa mẹ thật là khó! Cho nên trải qua năm năm suy nghĩ và chuẩn bị sau cùng mới hạ quyết tâm. Vào năm ngoái, khoảng tháng ba, tháng tư, tôi viết một lá thư cho sư phụ nói: *“Hiện tại đệ tử hạ quyết tâm buông xả trần duyên, xuất gia; mong muốn tương lai tu hành, hoằng pháp lợi sanh”*. Sư phụ nhận được thư của tôi, lúc đó sư phụ đang ở Úc châu, tôi ở HongKong giảng kinh. Tôi nhờ cô Ngô Phạm chuyển tin fax này cho sư phụ. Kết quả, khi tôi gửi tin nhắn cho Ngài, hình như ngay tối hôm đó tôi liền nhận được tin trả lời qua cô Ngô Phạm là sư phụ đã ra chỉ thị rồi, Ngài sẽ sắp xếp cho tôi. Tôi cảm giác hình như sư phụ chờ lá thư này đã lâu lắm rồi. Kết quả, không bao lâu sư phụ liền từ Úc châu trở về HongKong, dẫn tôi đi chùa Viên Minh thăm viếng Xương Công. Đây là một người bạn cũ hơn ba mươi năm quen biết, đã nhiều năm chưa gặp mặt, cũng chưa từng ngồi ăn cơm chung. Hôm đó bỗng dưng dẫn tôi đi đến đó để

ăn cơm, tôi cảm thấy rất kỳ lạ, tại sao phải đến chùa Viên Minh? Lúc đó chùa Viên Minh cũng chưa xây xong, rất nhiều công trình đang còn dở dang. Sư phụ dẫn tôi đến đó dùng cơm, lúc đó Ngài Xướng Công cũng rất hoan hỷ, ra nghênh đón sư phụ thượng nhân chúng ta. Khi mọi người cùng nhau bước vào thang máy, cửa thang máy vừa đóng, sư phụ liền nói: “*Trông lai cho Chung Mao Sâm làm đệ tử của thầy, theo thầy thế phát xuất gia có được không?*”. Xướng Công nghe xong cũng ngạc nhiên, vì chưa hề có sự chuẩn bị tư tưởng. Ngài quay qua nhìn tôi, Ngài nói: “*Được!*”. Ngài cũng không biết tôi là ai. Thế là nhận lời rồi! Nói chung đối với Xướng Công, ai muốn xuất gia Ngài đều vui vẻ cho họ thế phát, dù Ngài không biết người đó là ai. Xem như đã nhận lời xong. Tôi cảm giác hình như hai người đang nói đùa với nhau, trong thang máy đã nói xong mọi việc.

Qua vài tháng sau, không nghe nói năng gì nữa, tôi nghĩ có phải sư phụ đã quên mất rồi không? Tôi lại đi hỏi sư phụ, sư phụ nói: “*Được! Vậy thì mau mau tìm ngày tháng thôi*”. Sau cùng chọn xong ngày và cũng liên lạc xong với Xướng Công. Ngày 15 tháng 7 năm ngoái, ở chùa Viên Minh làm lễ thế phát. Xướng Công nói: “*Lúc đó tôi nghĩ Ngài Tịnh Không nói đùa, không ngờ là thật*”. Sau đó Ngài nói tôi gọi sơ yếu lý lịch, mới biết là khi tôi còn tại gia có những học vị, công việc, lương bổng; sau khi từ chức làm việc tại trường học, đi hoằng dương văn hóa truyền thống, hoằng dương Phật pháp năm năm. Ngài rất tán thán, Ngài nói: “*Tịnh lão có thể đem người đệ tử như vậy giao cho mình xuất gia, có phải là đùa hay không?*”. Lúc đó Ngài cũng không dám tin, nhưng quả thật đó là sự thật. Chúng tôi thật tình đến, Ngài cũng thật tình tiếp đãi. Cho nên, vào ngày 15 tháng bảy đã tổ chức nghi thức thế phát vô cùng long trọng. Lúc đó có khoảng gần một ngàn người đến dự, sư phụ thượng nhân cũng tham dự buổi quán lễ đó, và mẹ tôi cũng có tham gia. Trong lúc tôi xuất gia, quý vị có thể đã xem DVD đó, lúc đó tôi khóc thật là khó coi. Tôi khóc, mẹ tôi cũng khóc. Đặc biệt trong nghi thức có một đoạn nghi thức phải bái biệt cha mẹ của mình. Xướng Công để mẹ tôi ngồi bên phải của chánh điện, mời sư phụ thượng thân ngồi bên trái, trước là bái tạ cha mẹ, sau đó bái tạ sư phụ. Xướng Công rất có trí tuệ, bởi vì hiểu thân tôn sư là đại căn đại bản của người học Phật. Khi tôi bái biệt mẹ tôi, mẹ tôi mới đề ra ba điều kiện khi xuất gia phải làm cho tốt:

- Điều thứ nhất: ***Con nhất định phải thật sự nỗ lực tu hành, có thể chứng ngộ tâm tánh.***

- Điều thứ hai: ***Con nhất định phải hoằng pháp lợi sanh.***

- Điều thứ ba: ***Con nhất định phải vãng sanh Tịnh Độ.***

Mẹ tôi tiễn con xuất gia đề ra ba yêu cầu. Lúc đó tôi vừa khóc, vừa nghe lời dặn dò của mẹ. Sau khi tôi lạy mẹ xong thì đến lạy lão sư. Ngài Tịnh Không ân sư là lão sư truyền pháp của tôi, truyền thụ đại pháp cho tôi, nên phải bái tạ lão sư. Không có thầy, không có cha mẹ không có thể nào có nhân duyên thù thắng xuất gia của ngày nay. Cho

nên, khi bái tạ sư phụ, sư phụ cũng dặn dò tôi vài lời: “*Đã chọn con đường xuất gia thì phải có sứ mạng, phải đem Phật Giáo trở lại giáo dục của Phật Đà*”. Do đó sư phụ thượng nhân khuyến khích tôi phải hoằng pháp lợi sanh. Xương Công theo đó đặt cho tôi pháp hiệu là Định Hoằng. Hoằng là hoằng pháp, hoằng pháp lợi sanh, ngay đời này nhất định phải hoằng pháp lợi sanh. Pháp hiệu này cũng là một sự thúc đẩy sách tấn đối với tôi. Nếu như tôi không thể hoằng pháp, không thể kế thừa huệ mạng của Phật, không thể chấn hưng giáo dục Phật Đà, không thể làm những việc cống hiến này thì tôi có lỗi với danh hiệu này, càng có lỗi với cha mẹ và sự đào tạo bồi dưỡng của sư phụ thượng nhân. Cho nên xuất gia là một bước thứ hai buông xả. Như tôi vừa mới nói, từ Mỹ sang Úc là buông xả nhỏ, chưa hoàn toàn buông xả. Sau khi chân thật đem công việc từ bỏ là buông xả vật ngoại thân, đây là bước thứ nhất.

Bước thứ hai buông xả tình chấp đi xuất gia. Đương nhiên mọi người không nên hiểu lầm, “buông xả tình chấp” không phải nói là không có tình cảm, không nhận sáu thân nữa, không phải ý nghĩa như vậy, nếu như vậy thì không bằng cả súc sanh, vì súc sanh còn có tình cảm. Buông xả tình chấp không phải là buông xả tình cảm. Tình cảm có thể có, đó là chuyện bình thường và có thể hằng thuận chúng sanh. Tuy nhiên có tình cảm nhưng không nên chấp trước, đây gọi là buông bỏ tình chấp. Phật năm xưa cũng có tình cảm, khi phụ vương bệnh nặng thì Phật Thích Ca Mâu Ni mau mau trở về ở bên cạnh cha mình, an ủi cha trong lúc lâm chung và khuyên cha cầu sanh thế giới Cực Lạc, đây là tình cảm. Sau khi phụ vương qua đời đích thân Ngài khiêng quan tài cho cha. Phật cũng là có tình, có nghĩa. Chỉ cần bạn không chấp trước là được, như cô giáo Lưu, cô là người có tình cảm rất dồi dào. Tôi nhớ vào ngày 25 tháng 12 năm 2009, trong lúc giảng kinh sư phụ thượng nhân nói: “*Tôi muốn ra đi*”. Lúc bảy giờ cô giáo Lưu, tôi và vài vị đồng tu ngồi trong phòng thu âm nghe giảng pháp, cô giáo Lưu liền khóc, khóc rất là đau lòng. Sư phụ giảng pháp xong, chúng tôi lập tức quỳ xuống thỉnh mời sư phụ cứu trụ thế gian. Cô giáo Lưu lúc đó đã khóc rất nhiều, đó là tình cảm. Tình cảm cũng là Bồ Tát thị hiện, chỉ cần bạn không nên chấp trước thì sẽ không bị chương ngại.

Trở lại bước thứ hai của tôi là buông bỏ tình chấp, còn phải tiếp tục buông nữa. Nhân duyên buông bỏ thứ nhất là do sư phụ thượng nhân, như vừa rồi tôi mới nói, vào cuối năm 2009, ngày 25 tháng 12, Ngài nói Ngài sẽ ra đi, Ngài không muốn ở thế gian nữa, lúc đó Ngài đang giảng kinh Hoa Nghiêm. Khi đó chúng tôi cùng nghĩ làm cách nào khiến sư phụ cứu trụ thế gian. Tôi nghĩ, nhân duyên sư phụ thượng nhân trụ thế là giảng kinh thuyết pháp và đào tạo nhân tài. Nếu như có duyên này thì sư phụ sẽ không ra đi. Nếu như không có duyên này, đương nhiên sư phụ Ngài sẽ cảm thấy không cần thiết ở thế gian nữa. Cho nên chúng tôi nghĩ dùng phương pháp gì để giữ sư phụ lại. Trước đó, vào năm 1997, sư phụ vẫn luôn khuyến khích tôi học kinh Hoa Nghiêm. Đó là chuyện của 15 năm về trước, khi đó tôi vẫn còn học ở Mỹ. Tôi đã gặp sư phụ và nói với Ngài: “*Sư phụ! Đệ tử rất muốn học kinh Hoa Nghiêm với Ngài*”. Vì lúc đó đã sang năm thứ hai Ngài giảng kinh Hoa Nghiêm, đó là ngày 8 tháng 5 năm 1998, khai giảng



tại Singapore. Một năm trước sư phụ chuẩn bị mở một lớp Hoa Nghiêm nhận năm học trò, lúc bấy giờ tôi rất muốn ghi danh, tuy nhiên chỉ là nghĩ mà thôi, không buông xả được, vì chưa học xong tiến sĩ. Cho nên tuy là nghĩ và cũng tỏ vẻ muốn học Hoa Nghiêm với sư phụ, nhưng Ngài nói với tôi: *“Thế xuất thế gian pháp đều phải xem duyên phần”*. Tôi nghe xong trong lòng cảm thấy rất là hổ thẹn, chắc chắn là hiện giờ duyên của mình chưa đến, thật sự là vậy. Vì sao vậy? Vì chưa buông bỏ được. Cho nên có đồng tu nói: *“Tôi rất muốn theo sư phụ học”*. Theo sư phụ thì dễ thôi, chỉ cần bạn buông xả là được ngay. Lúc bấy giờ vì tôi vẫn chưa buông xả.

Năm ngoài sau khi xuất gia, tôi hỏi sư phụ một câu: *“Thưa sư phụ! Ngài còn nhớ vào 15 năm về trước, ở Dallas có một thanh niên 24 tuổi tham gia buổi lễ thế phát xuất gia sau cùng của Ngài cho các đồng tu, người đó chính là con, Ngài nhớ không? Lúc đó con muốn xuất gia mà không buông xả được, Ngài còn nhớ không?”* Sư phụ nói: *“Nhớ!”*. Tôi lại hỏi sư phụ: *“Nếu như lúc đó con xuất gia theo thầy có phải tốt hơn bây giờ không?”* Sư phụ nói: *“Đương nhiên rồi!”*. Sau đó sư phụ nói tiếp: *“Rất tiếc lúc bấy giờ con chưa tin”*. Tôi cảm thấy thật sự hổ thẹn, không có tin Phật! Cho nên duyên phần thực tế quan trọng nhất vẫn là nương vào tín nguyện của chính mình. Bất luận làm việc gì phải nhờ có tín nguyện. Vãng sanh Tây Phương đương nhiên cũng nhờ tín nguyện. Cho nên vãng sanh được hay không là xem quý vị có chân tín, nguyện thiết không. Không phải A Di Đà Phật không muốn đón bạn đi, là do bạn có muốn đi hay không. Nếu bạn muốn thì chắc chắn sẽ đi được. Nếu không muốn đi thì A Di Đà Phật cũng không thể kéo bạn đi. Cũng giống như quá trình tôi theo sư phụ học Phật pháp, sư phụ rất là có lòng nhẫn nại, chờ đợi tôi giác ngộ. Qua 15 năm mới từ từ giác ngộ, sau cùng mới quyết tâm xuất gia.

Xuất gia, tôi cảm thấy nhân duyên này vẫn còn một điều phải buông bỏ, không chỉ là thế pháp phải buông bỏ, mà đối với văn hóa truyền thống và Phật pháp cũng phải buông bỏ. Bởi vì sau khi tôi từ chức dạy học trong vòng 5 năm nay, đích thực cũng đang nỗ lực học tập truyền thống văn hóa của Nho-Thích-Đạo, tự học và tự giảng. Tôi đã giảng không ít những kinh điển, có lẽ những đồng tu cũng biết, kinh điển của Nho-Thích-Đạo thật sự giảng rất nhiều, có 20 đến 30 bộ như là Hiếu Kinh, Đệ Tử Quy, Cách Ngôn Trị Gia của Châu Tử, Luận Ngữ Đại Học, v.v... Đạo giáo thì giảng Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, Du Ý Công Gặp Táo Thần ký, Văn Xương Đế Quân Âm Trắc Văn, Văn Xương Đế Quân Tiên Hiếu Văn, v.v... Nhà Phật thì giảng nhiều hơn, như kinh Đại Tạng, kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, kinh Di Đà, kinh Vu Lan Bồn, v.v..., giảng gần 3.000 giờ. Càng giảng càng thích thú. Một khi đã thích rồi thì không muốn ngừng nghỉ nữa, như vậy cũng là sự chấp trước đối với kinh điển và truyền thống văn hóa. Lúc đó tôi có một vọng tưởng, vọng tưởng này cũng khá lớn, nghĩa là tôi sẽ đem những kinh điển chính yếu của Nho-Thích-Đạo đều giảng qua một lần, hy vọng để lại một khóa trình cho mọi người tham khảo. Cho nên tự tôi kê ra một danh sách rất dài, cần phải giảng những kinh gì, kinh gì. Sư phụ cũng biết tôi chấp trước, Ngài cũng hằng thuận

chúng sanh. Mỗi khi giảng xong một bộ là đi báo cáo với sư phụ, rằng con đã giảng xong rồi, kế tiếp sẽ giảng những thứ gì. Sư phụ lại chỉ thêm lần sau giảng Hiếu kinh. Lần sau giảng xong rồi thì giảng tiếp kinh gì? Tứ Thư. Thật là càng giảng càng lớn!

Như vừa rồi tôi mới nói, năm 1997 tôi rất muốn theo sư phụ học Hoa Nghiêm, nên cuối năm 2006, sau khi tôi từ chức dạy học, có một hôm sư phụ chủ động nói với tôi: “Về sau con có thể giảng lại kinh Hoa Nghiêm”. Tôi nghe rồi cảm thấy vô cùng hoan hỷ, vì đây là tâm nguyện từ mười năm nay. Trong những buổi giảng trước đây tôi cũng từng nói qua với các vị, kinh Hoa Nghiêm mãi là ước mơ, cuối cùng lại được học. Tuy nhiên hiện tại vẫn còn phải lo cảm gốc, do đó phải học kinh điển của Nho-Thích-Đạo trước, nên tôi lập ra một danh sách, sau khi giảng xong Tứ Thư của nhà Nho sẽ chuẩn bị giảng Chu Di. Tôi sẽ dùng Chu Di Thiên Giải của Ngài Ngẫu Ích Đại Sư. Sau đó tôi sẽ giảng qua một lần Đạo Đức kinh của Đạo gia, và sẽ dùng chú giải của Ngài Hám Sơn Đại Sư. Tôi dự định đem ba nhà Nho – Thích - Đạo dung hợp quán thông với nhau để giảng. Kế đó vẫn còn nghĩ sẽ đem kinh Thánh chọn ra vài đoạn để giảng. Xong, kinh Cô Ran tôi cũng lựa vài đoạn để giảng, và cũng đem hai loại này dung hợp quán thông vào nhau để giảng, khiến cho mọi người biết rằng tất cả mọi tôn giáo kỳ thật là cùng cội, cùng nguồn. Sau đó sư phụ lại điểm cho tôi thêm một tựa đề, đó là Chư Kinh Phật Thuyết Địa Ngục Thập Yếu. Quyển sách đó rất dày, bảo tôi giảng qua một lần từ đầu đến cuối. Sau cùng, đương nhiên kinh Hoa Nghiêm là sự lựa chọn sau cùng. Tôi nghĩ, giảng kinh Hoa Nghiêm đến già, khi đó tôi có thể giảng kinh Vô Lượng Thọ rồi.

Giấc mơ đẹp này cứ như thế kéo dài đến ngày 25 tháng 12 năm 2009, bỗng nhiên nghe sư phụ nói chuẩn bị ra đi, trong lòng tôi bàng hoàng. Tôi vẫn chưa bắt đầu học Hoa Nghiêm mà sư phụ nói Ngài sẽ ra đi, phải làm sao đây? Đó là một cú sốc rất lớn đối với tôi. Vào ngày 1 tháng 1 năm 2010, lúc đó cô giáo Lưu và thầy Hồ Tiểu Lâm, ba huynh đệ chúng tôi cùng với sư phụ thượng nhân đi Singapore hoằng pháp. Lúc bấy giờ, chúng tôi có hát bài “Ân Sư” để thỉnh cầu sư phụ trụ thế. Tuy nhiên hát vẫn là hát, bạn phải dùng hành động thực tế để thỉnh sư phụ thượng nhân trụ thế. Trong lòng tôi nghĩ, những kinh điển của Nho - Thích - Đạo không thể giảng nữa, nếu không sẽ không có thời gian để học với sư phụ thượng nhân. Hiện giờ chỉ có thể lựa chọn một bộ, một môn thâm nhập. Tôi tự nghĩ, những gì mình đã học, bộ nào thâm nhập nhiều nhất? Xin thưa thật với các vị, kinh điển Nho - Thích - Đạo tôi đã giảng rất nhiều, thế nhưng thuộc lòng chỉ có một bộ kinh, đó chính là kinh Vô Lượng Thọ, ngay cả kinh A Di Đà tôi cũng không thuộc, chỉ có thể thuộc lòng kinh Vô Lượng Thọ mà thôi. Tôi nghĩ, kinh Vô Lượng Thọ tôi cũng đã nghe qua rất nhiều lần, ít nhất là năm - sáu lần, từ đầu đến cuối rất thuần thực, lại rất ưa thích, còn kinh Hoa Nghiêm, tuy mơ ước nhưng bộ kinh này quá lớn, từ đầu đến cuối đọc qua một lần cũng không dễ, nói chi đọc tụng và thuộc lòng là rất khó, huống hồ căn cơ của người thời đại nay, có mấy người có thể tiếp nhận được kinh Hoa Nghiêm? Bộ kinh Hoa Nghiêm lớn như vậy, hơn nữa nói ra đều là cảnh giới của Pháp Thân Đại Sĩ, không dễ gì thọ trì.

Nghĩ lại, cả đời sư phụ thượng nhân, công hiến vĩ đại nhất của Ngài chính là hoằng dương kinh Vô Lượng Thọ, vậy thì chúng ta phải truyền thừa kinh Vô Lượng Thọ của Ngài mới đúng. Kinh Vô Lượng Thọ là rất khế hợp với căn cơ chúng sanh thời kỳ Mạt Pháp, đương nhiên cũng khế hợp với căn tánh của tôi. Đọc kinh Hoa Nghiêm đôi lúc còn buồn ngủ, không khế hợp với căn cơ của mình, vậy thì làm sao? Phải nên học kinh Vô Lượng Thọ. Sau đó tôi lại nghĩ, sư phụ thượng nhân đã bảo tôi giảng kinh Hoa Nghiêm rồi, nếu tôi không nghe lời sư phụ làm sao được? Lúc đó tư tưởng tôi đang có sự đấu tranh, có nên nghe lời sư phụ không? Tôi nghĩ, thế nào gọi là thật sự nghe lời sư phụ? Vì sao Ngài bảo tôi giảng kinh Hoa Nghiêm? Có thể Ngài nhìn thấy tôi còn mê, rất ưa thích những đại kinh, đại luận, đó là tập khí của những phần tử trí thức, nên Ngài tùy thuận tôi mà nói.

Kinh Vô Lượng Thọ là Như Lai chánh thuyết Đệ Nhất Kinh, mười phương chư Phật đồng tán thán, thiên kinh vạn luận cùng nương về, tất cả chư Phật đều tuyên nói, hơn nữa, sau khi pháp diệt tận, bộ kinh này lưu lại thế gian 100 năm để độ vô lượng chúng sanh. Pháp môn này là pháp môn thù thắng nhất, viên mãn nhất, cứu cánh nhất, phương tiện nhất, dễ dàng nhất, thẳng tắt nhất, thù thắng như vậy tại vì sao chúng ta lại không giảng kinh Vô Lượng Thọ? Thông qua sự suy nghĩ của lý tánh, cuối cùng tôi quyết định buông bỏ kinh Hoa Nghiêm. Đương nhiên kinh điển của thế gian, kinh điển Nho-Thích-Đạo và những kinh điển khác cũng phải buông bỏ. Tôi hạ quyết tâm chuyên học và giảng kinh Vô Lượng Thọ. Thế là tôi đến đánh lễ sư phụ, mặc dù trong lòng có chút không an, bởi vì sư phụ bảo tôi giảng kinh Hoa Nghiêm, bây giờ tôi lại nghịch lại lời của sư phụ, không biết sư phụ sẽ nghĩ gì về tôi. Nhưng dù sao tôi vẫn phải nói, nên quyết định gặp Ngài: *“Thưa sư phụ, đệ tử không muốn học kinh Hoa Nghiêm nữa, đệ tử muốn một đời này chuyên tu, chuyên hoằng kinh Vô Lượng Thọ”*. Tôi lại thưa với sư phụ: *“Đệ tử nghĩ, hiện nay con đã gần 40 tuổi rồi, năm trước 38 tuổi, năm nay 40 tuổi rồi. Nếu như con có thể sống thêm 40 năm, con hy vọng có thể đem kinh Vô Lượng Thọ giảng 40 lần”*. Khi tôi nói lời này, thật sự trong lòng rất lo lắng, không biết sư phụ sẽ phản ứng ra sao, Ngài sẽ chau mày không vui hay như thế nào đó (vì sư phụ bảo tôi học Hoa Nghiêm, bây giờ tôi lại học kinh Vô Lượng Thọ), nhưng không ngờ sư phụ lại tươi cười, sau đó Ngài nói: *“Nếu con chân thật đem kinh Vô Lượng Thọ giảng được 40 lần thì con thành được Vô Lượng Thọ Phật rồi”*. Tôi nghe xong trong lòng thấy thật nhẹ nhàng. Sư phụ thượng nhân sau cùng đã ấn định cho tôi: *“Sự quyết định này của con là chính xác!”*.

Thật vậy, bởi vì kinh Vô Lượng Thọ là trung bản của kinh Hoa Nghiêm. Kỳ thật, tôi nghĩ, cũng đâu có nghịch lại ý chỉ của sư phụ, chẳng qua không giảng đại bản của Hoa Nghiêm, bây giờ giảng trung bản của Hoa Nghiêm, vẫn là giảng kinh Hoa Nghiêm mà. Thời gian tôi học giảng kinh Vô Lượng Thọ có thể nói trên căn bản là sau khi tiếp xúc kinh giáo của sư phụ mới bắt đầu, nên rất là quen thuộc đối với kinh Vô Lượng

Thọ, và ở trong nước cũng thường cùng với một số pháp sư nói đến kinh Vô Lượng Thọ, nghe qua ý kiến của họ.

Khi nghe đến bộ kinh Vô Lượng Thọ bốn hội tập, có người nói có vấn đề. Tôi hỏi: “*Vấn đề gì vậy?*”. Họ cũng không thể nói ra được, đại khái có thể đây là cư sĩ hội tập, họ nói cư sĩ hội tập là không đúng pháp. Những ngôn luận này rất nhiều. Trên internet, sự phê bình đối với bốn kinh hội tập này cũng rất nhiều, nhưng tôi đối với bốn hội tập kinh Vô Lượng Thọ này là tin sâu, không nghi. Tôi liền nghĩ phải làm thế nào để đem bốn hội tập kinh Vô Lượng Thọ này phát dương quang đại, bởi vì bốn hội tập này là bốn hoàn chỉnh của kinh Vô Lượng Thọ. Đem bốn hoàn chỉnh nhất này phổ biến rộng lớn, khiến cho chúng sanh đoạn nghi, sanh tín. Có thể dùng bốn hội tập hoàn thiện nhất này để chỉ đạo chúng ta tu hành và cũng có thể lợi ích cho chúng sanh 9.000 năm thời kỳ Mạt Pháp. Sư phụ thượng nhân cũng đã nói, tương lai pháp diệt tận, vẫn có thể duy trì lại trên thế gian này 100 năm, đó chính là bộ kinh Vô Lượng Thọ do Ngài Hạ Liên Cư hội tập.

Tôi suy nghĩ, làm thế nào để mọi người tin và phục bốn kinh hội tập này? Do đó tôi lại tiếp tục khởi vọng tưởng nữa, hay là tôi đem năm quyển nguyên gốc, cộng thêm quyển hội tập của cư sĩ Vương Long Thư, đó là quyển đại A Di Đà Kinh (quyển này trước khi tôi đọc qua quyển của Ngài Hạ Liên Cư, tôi đọc xong cũng rất cảm động), thêm vào đó là quyển hội tập của cư sĩ Ngụy Mạc Thâm và còn bản tiết hiệu của cư sĩ Bàn Tế Thanh, chín loại này tôi đều đem giảng qua một lần. Sau khi giảng xong, tôi sẽ long trọng giới thiệu quyển kinh hội tập của Ngài Hạ Liên Cư, khiến cho mọi người tâm phục, khẩu phục. Đây đều là vọng tưởng. Tôi đem cách nghĩ này nói với cô Lưu Tố Vân. Kết quả, cô nói với tôi: “*Thầy không nên làm như vậy, cứ chuyên hoằng kinh Vô Lượng Thọ của Ngài Hạ Liên Cư hội tập. Ai muốn nói gì thì nói, chúng ta quyết định kiên trì bộ kinh này*”. Cho nên tôi vô cùng cảm ân cô Lưu Tố Vân, cô vừa nhắc nhở, tôi liền suy nghĩ: “*Đúng rồi! Hà tất phải vì người khác mà đi làm những chuyện phí thời gian, cũng làm lỡ việc học tập của mình. Mình cứ chuyên tu, chuyên hoằng quyển hội tập này, buông bỏ hết tất cả những quyển nguyên gốc và quyển tiết hiệu*”. Lần này tôi chân thật buông bỏ tất cả mọi kinh điển khác, chỉ còn lại quyển kinh Vô Lượng Thọ của Ngài Hạ Liên Cư hội tập. Do đó, bắt đầu từ năm 2010, tôi quyết định chuyên tu chuyên hoằng quyển kinh này. Ngay khi tôi hạ quyết tâm như vậy, tôi có cảm giác được Tam Bảo gia trì, Phật Bồ Tát cảm ứng.

Vào ngày 5 tháng 4 năm 2010, tiết Thanh Minh, bỗng dưng sư phụ bỏ kinh Hoa Nghiêm và bắt đầu giảng kinh Vô Lượng Thọ. Sau đó Ngài nói với mọi người: “*Từ nay về sau, chỉ giảng kinh Vô Lượng Thọ thôi, không giảng kinh gì hết*”. Trong tâm tôi có cảm giác, sự quyết định này của Ngài là vì tôi. Lúc đó tôi cũng có cảm giác, thật sự là trong nhà Phật không buông bỏ một người. “**Phật thị môn trung, bất xả nhất nhân**”, chỉ cần bạn chịu học thì tận hư không khắp pháp giới, tất cả chư Phật Bồ Tát đều đang giúp đỡ bạn, đều đang chăm sóc bạn, đều đang dẫn dắt bạn thâm nhập vào pháp môn

mà bạn đang học. Nếu bạn không muốn học kinh Hoa Nghiêm thì giảng cho bạn kinh Vô Lượng Thọ. Do đó tôi nghĩ, nhân duyên này thật là không thể nghĩ bàn và sự phát tâm này của chính mình cũng phải là kiên cố, bất thoái.

Hồi tưởng lại việc 20 năm qua, tôi đã buông xả được ba cấp. Cấp thứ nhất là buông bỏ được vật ngoài thân. Cấp thứ hai là buông bỏ tình chấp. Cấp thứ ba là ngay cả Phật pháp cũng phải buông, kinh Hoa Nghiêm cũng phải buông bỏ. Đến sau cùng mới có thể quay về một bộ kinh Vô Lượng Thọ, một câu A Di Đà Phật. Tôi thật sự là người độn căn. Các vị xem, hai mươi năm mới từ từ, từ từ buông bỏ, đương nhiên vẫn chưa có triệt để, vẫn còn xen tạp. Tuy nhiên nói buông bỏ vật ngoài thân, tình chấp, Phật pháp nhưng cũng chưa có thuần. Về sau phải không ngừng buông bỏ ngày càng triệt để hơn, ngày càng tinh thuần hơn.

Thông qua sự học tập buông xả như vậy, tự tôi cũng có cảm giác chính mình có tiến bộ càng ngày càng nhanh chóng. Mười năm về trước, đương nhiên nói về việc huân tu về Phật pháp thì tôi có một chút tiến bộ, ví dụ như nói, tánh tình của tôi không còn bao chao như trước. Có thể có rất nhiều đồng tu không biết, khi tôi còn trẻ, tánh tình rất nóng vội, ngoài ra còn rất nhiều tập khí, tâm bệnh. Những tật xấu của mười năm về trước từ từ giảm bớt đi. Mười năm sau tiến bộ nhanh hơn mười năm trước, như vừa vừa mới nói là buông xả được ba cấp, đều là ở mười năm về sau, hơn nữa tập trung vào sáu năm sau này. Trong sáu năm nay, mỗi năm tốc độ tiến bộ nhanh hơn mỗi năm. Cho nên các vị đồng tu nếu xem đĩa giảng của tôi sáu năm về trước, các vị sẽ cảm thấy sắc mạo của tôi không như nhau, đương nhiên khí chất càng không như nhau. Có nhiều đồng tu cũng rất khích lệ tôi, nói rằng: *“Hiện tại thầy tiến bộ rất nhanh”*. Vào hai tháng trước, tôi cùng đi với sư phụ qua Thái Lan, tôi gặp cô Tổng Bảo Lan cũng từ Mã Lai sang. Cô đến nói với tôi rằng: *“Hiện giờ thầy giảng kinh thuyết pháp rất có định lực. Ngày trước nhìn thầy giống như một đứa trẻ con, hiện giờ bỗng dung thầy trở thành một người rất là thành thực”*. Đương nhiên đây chỉ là lời khuyến khích của cô. Tự tôi cũng biết mình là người chưa được thành thực lắm, dĩ nhiên so với ngày xưa, tôi cảm thấy mình thành thực hơn nhiều, đích thực cũng cảm thấy tâm mình định rất nhiều. Cái “định” này, tôi cảm thấy nguyên nhân quan trọng nhất là vì tôi quyết định chỉ chọn lấy một bộ kinh, một câu Phật hiệu, chọn lấy pháp môn Tịnh Độ. Căn bản là một bộ kinh, một câu Phật hiệu, các vị xem tôi, mới chỉ hơn một năm một chút, bộ kinh Vô Lượng Thọ tôi đã giảng qua hai lần, từ đầu đến cuối. Ngoài ra ở Nhật Bản còn giảng chuyên đề, giảng 48 đại nguyện. Gần đây ở chùa Viên Minh, HongKong, dùng tiếng Quảng Đông giảng lại một lần nữa. Kế đó ở Hiệp Hội Giáo Dục Phật Đà HongKong giảng Tịnh Độ căn bản giới, chuyên giảng phẩm thứ 35. Tóm lại, giảng đi giảng lại cũng là kinh Vô Lượng Thọ, không luận là giảng trọn bộ kinh hay là giảng chuyên đề, tôi chỉ giảng bộ kinh này.

Sau khi gom nhiếp tâm lại thì chân thật định liền xuất hiện. Trong lục độ Bồ Tát, các vị xem, thiền định là xây dựng trên căn bản của tinh tấn. Chữ “tinh tấn”, sư phụ giải thích rất rõ ràng, “tinh” nghĩa là chuyên tinh, “tấn” nghĩa là tiến bộ. Bạn có thể chuyên

ting mới có thể tiến bộ. Tâm bạn không chuyên, điều này muốn giảng, điều kia muốn giảng; điều này muốn học, điều kia muốn học thì rất khó tiến bộ. Đây không gọi là tinh tấn, gọi là tạp tấn, loạn tấn. Các vị xem, hôm nay cô giáo Lưu nói với chúng ta, bạn niệm một câu Phật hiệu, có cần thêm chú đại bi hay không, có cần thêm mười tiểu chú hay không? Đều không cần thiết! Thật sự một bộ kinh, một câu Phật hiệu, cũng có thừa để thành Phật. Càng chuyên ting thì càng có chỗ tốt. Hiện tại tôi chân thật đã thể hội được đôi chút. Càng thể hội thêm chút nào thì càng có thêm tín tâm. Hiện tại tôi xuất gia vẫn chưa tới một năm, giả như tôi có thêm thọ mạng bốn mươi năm nữa, tôi thật sự giảng kinh Vô Lượng Thọ bốn mươi lần, thì có phải tôi giống như sư phụ đã nói, tôi là Vô Lượng Thọ Phật rồi! Cho nên tín tâm này vô cùng quan trọng.

Có một vị giáo sư, ông có thể thông linh, ngày trước tôi không cảm thấy hứng thú đối với việc này, đương nhiên bây giờ cũng không thể nói là có hứng thú, chỉ có thể xem như tham khảo. Vị này cũng đã từng được sư phụ giám định qua ông là người như thế nào. Có lần ông bé quan niệm Phật thì Ngài Hạ Liên Cư đến tìm ông, chắc chắn là Ngài từ Tây Phương Cực Lạc đến. Ngài Hạ Liên Cư nói với ông về ai? Nói về pháp sư Định Hoằng, Ngài nói rằng: *“Hiện tại pháp sư Định Hoằng thiếu kém niềm tin. Thầy ấy là nhân tài của nhà Phật, tuy nhiên thiếu niềm tự tin. Hy vọng thầy ấy có thể tu ra niềm tin”*. Ông giáo sư đó mới ghi lại và đưa cho tôi xem. Tôi đọc qua và nghĩ, chẳng lẽ tôi không đủ niềm tin hay sao? Ngày trước về mặt thể pháp, tôi cũng có những thành tựu nho nhỏ, còn trẻ lắm đã làm giáo sư rồi. Tôi tự thấy mình rất đầy đủ niềm tin. Sau đó tôi học Phật cũng rất là thuận lợi, không thể nào thiếu niềm tin được. Sau khi suy nghĩ kỹ lại, Ngài Hạ lão nói tôi thiếu niềm tin, tiêu chuẩn này khẳng định không phải dùng tiêu chuẩn của thể pháp mà nói. Niềm tự tin theo tiêu chuẩn của Phật pháp là tin gì? Sau đó tôi liền nghĩ được thông, tin tưởng chính mình là Phật, đây là niềm tự tin quan trọng nhất.

Phật giáo khác với những tôn giáo khác. Những tôn giáo khác trước tiên là tin Thần, tin Thượng Đế. Phật pháp trước tiên phải tự tin chính mình, tin chính mình vốn dĩ là Phật. Trong kinh Hoa Nghiêm, Thích Ca Mâu Ni Phật đã thị hiện cho chúng ta, sau khi thành Phật rồi, Ngài nói gì? ***“Lạ thay, lạ thay! Chúng sanh đều có đức tướng, trí tuệ của Như Lai, do bởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mà không được chứng đắc”***. Chúng sanh đều có Phật tánh, chúng sanh vốn dĩ là Phật, hiện tại vì có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mà không được chứng đắc. Sau khi tôi nghe câu nói này xong, lúc đó tôi có sự hiểu sai lệch, hiểu không viên mãn. Ngày trước tôi lý giải như thế nào vậy? Tôi nghĩ những chúng sanh đó họ không biết tự mình vốn dĩ là Phật, cho nên đã không có trí tuệ, đức tướng của Như Lai, bởi vì họ có vọng tưởng phân biệt chấp trước, nên không chứng đắc được. Đây đều là việc của họ, không có liên quan gì với ta. Bây giờ hiểu rồi, không phải họ có vọng tưởng phân biệt chấp trước, mà là ta có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước.

Chúng sanh vốn dĩ là Phật, Phật thì làm gì có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước? Thế thì ai có vọng tưởng chấp trước? Ta có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước! Bởi vì ta có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nên ta đem chúng sanh, họ vốn dĩ là Phật, đã xem họ thành chúng sanh. Trí tuệ, đức tướng Như Lai của họ, ta không nhìn thấy ra, cho nên ta không thể chứng minh họ là Phật, đương nhiên cũng không thể chứng minh mình là Phật. Cho nên, trách nhiệm này là ở chính mình, đến khi nào bạn đem vọng tưởng, phân biệt, chấp trước buông xả rồi, bạn mở to mắt ra nhìn, chúng sanh vốn dĩ là Phật, giống mình cũng là Phật vậy. Trí tuệ, đức tướng của Như Lai cũng tròn đầy, viên mãn. Cho nên hiện giờ chúng ta có vọng tưởng, chấp trước, đó là gì? Dem Phật xem thành chúng sanh, mỗi người đều là chúng sanh. Nhìn thấy họ có vọng tưởng, phiền não, nghiệp chướng sâu dày, tự cho mình là hơn người, xem thường tâm bệnh của người khác, không ngờ mọi người đều là Phật đến thị hiện. Cho nên sư phụ thượng nhân nói, đến lúc nào bạn thành Phật? Khi bạn nhìn thấy mọi người, mọi vật đều là A Di Đà Phật thì lúc đó bạn liền thành Phật. Tuy nhiên bây giờ không nhìn thấy ra thì sao? Bởi vì chính mình có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nên mới không chứng đắc, không thể chứng minh được người khác là A Di Đà Phật. Do đó trước tiên tự mình phải phản tỉnh lấy mình, chúng ta tin tưởng chính mình là Phật, cũng tin tưởng chúng sanh là Phật.

Hiện tại muốn cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc chính là muốn đem Phật tánh hiển lộ ra, “nhờ y chánh của người mà hiểu rõ tự tâm của ta”. Thế giới Tây Phương Cực Lạc y chánh trang nghiêm là do A Di Đà Phật đã xây dựng từ vô lượng kiếp, mục đích chính là vì chúng ta. Kỳ thật, không phải là chúng ta, mà là giúp đỡ ta, không còn chúng ta nữa, vì mọi người đều là Phật, chỉ có mình ta là phàm phu, đúng vậy không? Giúp đỡ ta, đến làm cho Phật tánh của chính mình hiển lộ ra; đem trí tuệ, đức tướng của Như Lai hiển lộ ra. Đây là lòng từ bi vô lượng của A Di Đà Phật và vô lượng phương tiện khéo léo của Ngài, đều được chư Phật tán thán. Khi bạn chưa vãng sanh thế giới Cực Lạc thì bạn thật sự không hiểu sự thọ dụng của Phật là như thế nào, cho nên bạn không thể nào hoàn toàn tin tưởng chính mình là Phật, vì bạn chưa từng thọ dụng qua.

Trong kinh Hoa Nghiêm có một câu chuyện, mấy hôm trước tôi có chuẩn bị giảng bài học của ngày hôm nay, bỗng dưng cao hứng, tôi nghĩ, Ngài Ngẫu Ích đại sư nói qua pháp môn Tịnh Độ là áo tàng của Hoa Nghiêm, mật tủy của Pháp Hoa. Bảo tạng áo diệu của kinh Hoa Nghiêm là nằm trong kinh Vô Lượng Thọ, mật tủy tinh túy của kinh Pháp Hoa cũng nằm trong kinh Vô Lượng Thọ, nay tôi giảng kinh Vô Lượng Thọ, nên tôi tìm hiểu xem kinh Hoa Nghiêm, kinh Pháp Hoa rốt cuộc có áo tàng gì, có mật tủy gì. Khi tôi đem kinh Pháp Hoa ra xem, lật đến phẩm thứ tư là Phẩm Diệu Giác, trong đó có một câu chuyện rất hay, tôi xin kể cho các vị nghe. Câu chuyện đó như thế này:

Thích Ca Mâu Ni Phật cùng với Ngài Xá Lợi Phất và những vị A La Hán, đại đệ tử của mình nói một chuyện thí dụ. Trong kinh Pháp Hoa thường dùng thí dụ để nói rõ vấn đề. Là thí dụ gì? Ngài nói với chúng ta rằng, chính mình vốn dĩ là Phật, làm sao lý giải? Thông thường phàm phu không dám thừa nhận mình vốn là Phật. Việc này giống

như có một đại phú trưởng giả, gia đình vô cùng giàu có, tài sản bằng cả một nước. Ông ấy có một đứa con nhỏ, là con ruột của mình và là con một trong gia đình, nên rất mực thương yêu, trân quý. Thế nhưng, có một hôm đứa bé đi lạc, bị mất tích, tìm khắp nơi vẫn tìm không ra. Thế là đứa bé này rời xa cha mẹ và gia đình, không tìm được đường về, lưu lạc khắp nơi, sống đời sống khổ cực của một đứa bé ăn mày, bị người ức hiếp, nhục mạ, bữa đói, bữa no, cuộc sống vô cùng khó khăn và đói rách. Cứ như thế lang thang mãi, không tìm ra con đường về nhà. Mười năm, hai mươi năm, thậm chí đến năm mươi năm trôi qua, đứa bé đã trưởng thành và đã hơn 50 tuổi rồi.

Mặc dù mấy mươi năm đã trôi qua nhưng cái tâm đi tìm con của người cha vẫn không ngừng nghỉ. Có một hôm, người cha dọn nhà đến một thành phố lớn, người con cũng vừa đến thành phố đó xin ăn. Người cha từ xa nhìn thấy có một người thân tướng, hình ảnh rất là quen thuộc, nhìn kỹ thì ra đó chính là con của mình đã thất lạc 50 năm rồi, cuối cùng đã tìm thấy nó. Khi đó người cha đang ngồi đòan chánh trên một bảo tọa, được trang sức toàn những vàng ròng, trân châu quý giá, trên người mặc gấm lụa, hai bên có những người hầu phục tòng, bảo vệ rất oai hùng. Đại phú trưởng giả vừa nhìn thấy người ăn mày đó, lập tức gọi người hầu, hãy mau đến gọi người đó lại. Hai người hầu liền chạy tới. Người ăn mày vừa thấy liền nghĩ, có người đang đến bắt mình, phải mau chạy đi, nên vội vàng chạy nhanh. Người hầu rượt theo và bắt được rồi lấy dây cột lại. Người ăn mày này nghĩ, lần này xong rồi, không biết mình đã làm gì đắc tội người đại phú trưởng giả này đây? Chắc chắn mình sẽ chết thôi. Khi bị dẫn đến trước mặt cha mình, người ăn mày đã ngất xỉu. Người cha biết rằng đứa con đã thất lạc 50 năm trước, nó đã hoàn toàn quên mất cha mình, hoàn toàn quên mất hết danh phận phú quý và gia tộc giàu sang của chính mình, không thể lập tức nói với nó “ta chính là cha của con”, sẽ làm nó bay hồn vía mất. Phải làm sao đây? Phải dùng phương tiện khéo léo, nên bảo người thả nó ra.

Sau khi được thả, đứa con cảm thấy nhẹ nhõm, an tâm, cho rằng mình đã thoát chết rồi. Sau đó vị đại phú trưởng giả phái hai người tướng mạo vừa ốm, vừa khô cằn, không có vẻ gì của một người giàu có, giả làm những kẻ ăn mày, đến nói với nó rằng: “Chúng tôi có quen một nhà đại phú hộ, họ đang thiếu một người gánh phân, người muốn đi làm không? Họ trả lương cao lắm!”. Người ăn mày này đang lúc không có tiền, không có cơm ăn, nghe nói có việc làm mừng quá, gánh phân cũng không sao, nên liền nhận lời ngay và đến nhà trưởng giả để làm việc, mỗi ngày đi gánh phân. Đại phú trưởng giả nhìn thấy con mình gánh phân như vậy, trong lòng rất là xót xa, nhưng lại không dám nói với nó “ngươi là con của ta”, sẽ làm nó sợ hãi, không dám thừa nhận, Thế là đành phải để nó an tâm sống ở đây, sau đó từ từ tăng thêm tiền lương cho nó, đối xử với nó đặc biệt tốt, khiến nó cảm thấy vô cùng cảm động, vì người chủ đối với mình quá tốt như vậy. Thậm chí có lần đại phú trưởng giả cởi bỏ hết áo quần gấm lụa của mình, mặc áo quần của người công nhân để gánh phân cùng với nó và khuyến khích nó rằng, ngươi hãy yên tâm ở đây làm việc tốt, ta sẽ đối đãi với ngươi như con ruột của



mình. Đứa con nghe xong cảm động đến khóc òa lên và phát nguyện nhất định phải trung thành với người chủ này.

Cứ như thế, trải qua 20 năm, đứa con này cũng dần dần quen với gia đình. Tuy nhiên nó vẫn chưa biết người chủ chính là cha của mình, chỉ nghĩ ông chủ đối với mình tốt đến như vậy, tất cả đồ đạc trong nhà đều cho mình xem, lại nói bao nhiêu vàng bạc châu báu, người muốn lấy thì cứ việc lấy, tự nhiên mà lấy dùng. Dần dần nó quen với lối sống giàu sang, dần dần khí lượng của nó cũng lớn, tầm nhìn xa hơn, tâm lượng rộng lớn hơn. Thế rồi 20 năm sau nữa, khi vị đại phú trưởng giả đến lúc lâm chung, cho gọi hết tất cả mọi người trong gia tộc đến, đồng thời cũng gọi người gánh phân (lúc này không còn là người gánh phân nữa). Xong trưởng giả nói với họ, nó chính là con của ta, 20 năm trước ta đã nhận ra nó, thế nhưng lúc đó nó không dám thừa nhận, cho nên ta phải kiên nhẫn chờ đợi hết 20 năm. Nay ta đã già rồi, sắp sửa ra đi, tài sản của ta không người thừa kế, bây giờ ta sẽ giao hết toàn bộ tài sản này cho nó thừa kế. Tuyên bố xong, đứa con mới dám nhận và vui mừng đến phát cuồng lên, thì ra đây là cha của ta, đây là nhà của ta, ta vốn là chủ nhân của nhà này. Đến đây là xong câu chuyện của Phật đã kể.

Tuy nhiên tôi vẫn còn mấy câu nói mới xong, khi Phật nói xong câu chuyện này, Ngài Xá Lợi Phất liền đại ngộ, thì ra chính mình vốn dĩ là Phật; hư không pháp giới chính mình là chủ nhân; tất cả những thứ trang nghiêm cho dù là thế giới Hoa Tạng, cho dù là thế giới Cực Lạc, toàn bộ đều là của mình vốn sẵn có. Chỉ vì chính mình không dám thừa nhận mà phải khiến đức Thích Ca Mâu Ni Phật đến thế gian này của chúng ta để đóng vai trò của một người ăn mày, làm một người khát sĩ tu hành khổ hạnh, vì chúng ta giảng kinh nói pháp 49 năm, đến sau cùng mới đem chân tướng sự thật nói rõ cho chúng ta. Kinh Pháp Hoa sau cùng mới nói với bạn, bạn vốn dĩ chính là Phật, hiện tại chỉ cần bạn thừa nhận là được. Vì vậy, chúng ta cần phải có lòng tự tin “chúng ta vốn là Phật”. Tuy nhiên hiện giờ vẫn còn là phàm phu, nhưng nó không thể ảnh hưởng đến bản chất vốn là Phật của mình. Cũng như đứa trẻ thất lạc lang thang kia, tuy hiện giờ là kẻ ăn mày, nhưng thân phận, bản thân của nó vốn là đại phú trưởng giả, những gì cần có thì đều có đầy đủ.

Hiện tại tuy chúng ta là chúng sanh tội ác trong sáu cõi, nhưng đó chỉ là thân thể của một người chúng sanh, riêng bản tánh của chúng ta chính là Phật, thế giới Tây Phương Cực Lạc chính là của ta. Điều này A Di Đà Phật từ bi, Ngài dùng đủ mọi phương tiện khéo léo để nói với chúng ta rằng: ***“Con ơi hãy đến đây, con ơi hãy mau về nhà! Sau khi về nhà rồi, thế giới Tây Phương Cực Lạc sẽ giao cho con. Khi con về nhà, ngôi vị Pháp Vương này sẽ giao cho con ngồi. Con sẽ là tam giới đặc tôn, con sẽ là Pháp Vương”***.

Hôm nay vì mọi người nói thế nào là tâm Bồ Đề. Hy vọng có thể giảng được rõ hơn, khiến cho mọi người thật sự tin tưởng hơn, chân thật thừa nhận chính mình là Phật.

Chính mình hiện tại lại phát nguyện muốn làm Phật thì phải phát khởi tín, nguyện vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Đây chính là Vô Thượng Bồ Đề Tâm.

Tốt rồi, xin cảm ơn mọi người.

A Di Đà Phật!